

Số: 179/QĐ-THLTK

Uông Bí, ngày 07 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật
Tháng 5 năm 2024

TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIẾT THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ vào Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/04/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của người khuyết tật, công văn số 1874/SGD&ĐT và 2388/SGD&ĐT-GDTH của sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện khoản 1 điều 7, Nghị định 28/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật học Tháng 5 năm 2024 của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt.

(Theo biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai : Từ ngày 07/06/2024 đến hết ngày 07/07/2024.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Huế

BIỂU CÔNG KHAI THANH TOÁN GIÁO VIÊN DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT THÁNG 5 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 179/QĐ-THLTK ngày 07/06/2024 của Trường tiểu học Lý Thường Kiệt)

Biểu 3

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên giáo viên	Dạy môn	Số trẻ khuyết tật trong lớp	Hệ số lương theo ngạch, bậc	Hệ số phụ cấp lương						Tiền lương 01 giờ dạy (Điều 4 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC)				Hệ số 0,2	Tổng số giờ thực tế giảng dạy	Tổng Phụ cấp ưu đãi phải trả cho giáo viên
					Hệ số PCCV	Hệ số PC TNV K	% PC ưu đãi	Hệ số PC ưu đãi	% PC thâm niên	Hệ số PC thâm niên nghề	Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học	Định mức giờ dạy/năm	Số tuần dành cho giảng dạy/năm	Số tuần 52 tuần	Số tiền 01 giờ dạy		
A	B	C	D	1	2	4	5	6	7	8	$9=(1+2+4+6+8) \times 1.800.000 \text{ đ}$	10	11	12	$13=(9/10) \times (11/12)$	14	$16=13 \times 14 \times 15$
1	Nguyễn Thị Duyên	Dạy Đạo đức	5A5	4,68	0,40		35%	1,78	25%	1,27	175.564.800	805	35	52	146.793	0,2	4 117.435
2	Trần Thị Hoài Xuyên	Toán, TV, Rèn HDTN, THKT	1A1	3,33	0,20		35%	1,24	14%	0,49	113.609.520	805	35	52	94.991	0,2	65 1.234.886
3	Đào Thị Dung	Toán, TV, Rèn bồi dưỡng, HDTN	1A3	4,34	0,15		35%	1,57	12%	0,54	142.566.480	805	35	52	119.203	0,2	71 1.692.679
4	Phạm Thị Thuý	Toán, TV, Rèn bồi dưỡng, HDTN	1A2	4,34	0,15		35%	1,57	12%	0,54	142.566.480	805	35	52	119.203	0,2	76 1.811.882
5	Tô Hương Ly	Toán, TV, TNXH, RBD, THKT, HDTN, SH, Đạo đức	3A3	4,00			35%	1,40	9%	0,36	124.416.000	805	35	52	104.027	0,2	77 1.602.012
6	Đỗ Thị Thanh Mai	Dạy toán, tiếng việt, RBD, TNXH, Đạo đức, HDTN	3A5	2,34			35%	0,82		-	68.234.400	805	35	52	57.052	0,2	74 844.372
7	Mạc Ngọc Thanh	Dạy Toán, Tiếng việt, Khoa học, Địa lí, Lịch sử, Đạo đức, THKT, HDTN	4A1	2,67			35%	0,93	9%	0,24	83.047.680	805	35	52	69.438	0,2	73 1.013.793

8	Nguyễn Thị Thu	Dạy Toán, Tiếng việt, Sử, địa, khoa học, đạo đức, THPT, HDTN	4A6	4,34	0,15	35%	1,57	12%	0,54	142.566.480	805	35	52	119.203	0,2	72	1.716.519
9	Đỗ Thị Hải	Dạy Toán, Tiếng việt, Khoa học, Địa lí, Lịch sử, RBD, HĐNG	5A5	2,34		35%	0,82	6%	0,14	71.267.040	805	35	52	59.588	0,2	72	858.065
10	Nguyễn Thị Nga	Dạy Toán, Tiếng việt, Bồi dưỡng, TNXH, Đạo đức, HDTN	3A2	2,67		35%	0,93	10%	0,27	83.624.400	805	35	52	69.920	0,2	75	1.048.801
11	Trần Thị Hoà	TNXH, RBD, ĐT	3A3, 3A5, 4A1	4,98		35%	1,74	28%	1,39	175.335.840	805	35	52	146.602	0,2	26	762.330
12	Lương Thị Thu Hoà	Dạy TNXH, Đạo đức, HDTN, BDMT	1A3, 1A1	2,34		35%	0,82		-	68.234.400	805	35	52	57.052	0,2	60	684.626
13	Đồng Thị Thủy Liên	Mỹ thật	3A3, 3A5, 4A6, 5A5	3,99		35%	1,40	18%	0,72	131.861.520	805	35	52	110.252	0,2	18	396.908
14	Phạm Thị Quý	Thẻ đục	4A1, 4A6	4,00		35%	1,40	18%	0,72	132.192.000	805	35	52	110.528	0,2	13	287.374
15	Bùi Thị Thu Hương	Tiếng Anh	3A3, 3A5	5,02		35%	1,76	23%	1,15	171.322.560	805	35	52	143.246	0,2	41	1.174.620
16	Nguyễn Thị Thủy Hà	Tiếng Anh	5A5	4,00		35%	1,40	16%	0,64	130.464.000	805	35	52	109.084	0,2	16	349.098
17	Trần Thị Xuân	Tiếng Anh	4A1, 4A6	2,67		35%	0,93		-	77.857.200	805	35	52	65.098	0,2	29	377.588
18	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tiếng Anh	1A1, 1A3	4,00		35%	1,40	19%	0,76	133.056.000	805	35	52	111.251	0,2	31	689.755
19	Nguyễn Thị Thanh Hương	Âm nhạc, GDTC	3A3, 3A5, 4A1, 4A6, 5A5	3,99		35%	1,40	19%	0,76	132.723.360	805	35	52	110.973	0,2	32	710.225
20	Đinh Thị Trang	Âm nhạc, Kỹ thuật, công nghệ	1A1, 1A3, 3A3, 3A5, 5A5	4,34		35%	1,52	18%	0,78	143.428.320	805	35	52	119.923	0,2	22	527.663
21	Nhung Hoàng Kiều Oanh	Công nghệ, tin học	4A1, 4A6, 3A3, 3A5	3,33		35%	1,17	13%	0,43	106.453.440	805	35	52	89.008	0,2	21	373.833
22	Trần Thị Văn Khánh	Giáo dục thể chất	3A5	4,00		35%	1,40	13%	0,52	127.872.000	805	35	52	106.916	0,2	8	171.066

BIÊN BẢN

V/v công bố công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật
Tháng 5 năm 2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ vào Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/04/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của người khuyết tật, công văn số 1874/SGD&ĐT và 2388/SGD&ĐT-GDTH của sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện khoản 1 điều 7, Nghị định 28/2012/NĐ-CP;

Hôm nay, vào hồi 8h 30' ngày 07/06/2024, Trường TH Lý Thường Kiệt thành phố Uông Bí tổ chức niêm yết công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật tháng 5 năm 2024 của trường TH Lý Thường Kiệt.

1. Thành phần:

- Chủ trì: Đ/c Ngõ Thị Huế - Chức vụ: Hiệu trưởng;
- Người ghi biên bản: Đ/c Nguyễn Thị Thanh Hương - Chức vụ: Giáo viên,

Thư ký hội đồng trường;

- Đại diện công đoàn: Đ/c Nguyễn Thị Duyên - Chức vụ: Chủ tịch
- Đại diện bộ phận tài chính: Đ/c Phạm Thị Quỳnh Thơ - Chức vụ: Kế toán
- Toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 47/48. Vắng: 01 có lý do;

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật tháng 5 năm 2024.

(Theo biểu chi tiết đính kèm).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 07/06/2024 đến hết ngày 07/07/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của trường TH Lý Thường Kiệt, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật tháng 5 năm 2024 của trường TH Lý Thường Kiệt, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua Đ/c Nguyễn Thị Thanh Hương - Chức vụ: Giáo viên, Thư ký hội đồng trường địa chỉ email: nguyenthithanhhuong.c1lythuongkiet@quangninh.edu.vn, số điện thoại: 0904.209.170) để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường TH Lý Thường Kiệt thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai thực hiện chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật tháng 5 năm 2024 của trường TH Lý Thường Kiệt từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 9h00' ngày cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký xác nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán/.

**ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Duyên

KẾ TOÁN



Phạm Thị Quỳnh Thơ

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thanh Hương

**CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG**



Ngô Thị Huế

